

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp Đại học tại chức(Quý III – 2009)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và qui định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ các Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 và số 3676/GD-ĐT ngày 09/12/1994 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT V/v ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên các lớp Đại học tại chức các ngành Kế toán, Tài chính, Công nghệ thông tin, đào tạo tại Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Kiên Giang;

Xét đề nghị của Trưởng khoa Kinh tế, Trưởng khoa Công nghệ thông tin, Trưởng phòng Đào tạo Đại học - Sau đại học, Trường phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

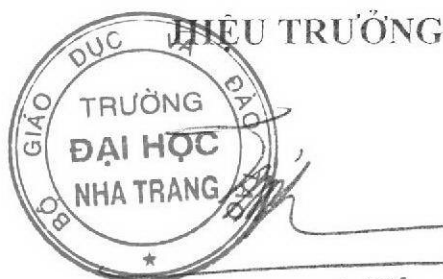
ĐIỀU 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học tại chức cho 158 sinh viên ngành Kế toán, 02 sinh viên ngành Tài chính và 17 sinh viên ngành Công nghệ thông tin; Vì đã hoàn thành chương trình đào tạo theo Quy chế(có danh sách kèm theo).

TT	Ngành tốt nghiệp	K(2006-2008)	K(2007-2009)	Tổng
1	Kế toán	16	142	158
2	Tài chính	02	-	02
3	Công nghệ thông tin	-	17	17

ĐIỀU 2. Trường khoa, phòng liên quan và các sinh viên có tên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT;
- Khoa Kinh tế, CNTT;
- P.Tài chính.



Vũ Văn Hùng

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP - QUÝ III NĂM 2009
 Đào tạo tại Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Kiên Giang
 (Theo Quyết định số : 895/QĐ-ĐHNT ngày 06 tháng 8 năm 2009)
 Loại hình đào tạo: Đại học Tại chức

1- Ngành Kế toán

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	C106DN706	Đặng Thị Ngọc	Bích	21/11/1980	Kiên Giang	TB Khá	PQ05DN-C
2	C106DN707	Nguyễn Ngọc	Bình	01/09/1981	An Giang	Trung bình	PQ05DN-C
3	C106DN746	Phạm Thị Thanh	Loan	27/05/1966	Kiên Giang	TB Khá	PQ05DN-C
4	C106DN744	Trần Thị Kim	Loan	21/01/1985	Kiên Giang	TB Khá	PQ05DN-C
5	C106DN767	Nguyễn Đăng Hoàng	Phúc	06/01/1985	Kiên Giang	TB Khá	PQ05DN-C
6	C106DN787	Lê Quốc	Việt	01/01/1977	Kiên Giang	TB Khá	PQ05DN-C
7	C106DN506	Đỗ Thị Thanh	Bình	17/02/1981	Nam Định	Khá	RG05DN-A
8	C106DN514	Nguyễn Thị Xuân	Diễm	25/01/1984	Bến Tre	Trung bình	RG05DN-A
9	C106DN515	Trịnh Nguyệt	Dung	08/09/1981	Quảng Ninh	TB Khá	RG05DN-A
10	C106DN519	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	22/10/1983	Kiên Giang	TB Khá	RG05DN-A
11	C106DN525	Bùi Quang	Giang	19/05/1977	Kiên Giang	Trung bình	RG05DN-A
12	C106DN555	Hà Thị Bảo	Khanh	20/08/1983	Kiên Giang	Trung bình	RG05DN-A
13	C106DN601	Trần Thanh	Như	26/02/1977	Kiên Giang	Trung bình	RG05DN-A
14	C106DN602	Tiêu ái	Ni	29/05/1982	Kiên Giang	TB Khá	RG05DN-A
15	C106DN614	Lim Ly	Sa	12/02/1982	Kiên Giang	TB Khá	RG05DN-A
16	C106DN622	Ngô Thị Thanh	Thảo	23/09/1985	Kiên Giang	TB Khá	RG05DN-A
17	C106DN2607	Lâm Ngọc Hoàng	Anh	23/05/1978	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
18	C106DN2601	Nguyễn Đình Phụng	Ái	05/05/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
19	C106DN2609	Trương Bích	Bơ	01/01/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
20	C106DN2617	Nguyễn Thị Mỹ	Chuyên	11/02/1983	Kiên Giang	Trung bình	KG06DN-1
21	C106DN2619	Võ Minh	Cường	15/07/1972	Kiên Giang	Trung bình	KG06DN-1
22	C106DN2625	Nguyễn Thị	Diễm	04/03/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
23	C106DN2627	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	30/06/1978	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
24	C106DN2624	Trần ái	Diễm	25/12/1974	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
25	C106DN2637	Huỳnh Hữu	Duyên	01/01/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
26	C106DN2641	Nguyễn Kim	Giáp	20/06/1976	Kiên Giang	Trung bình	KG06DN-1
27	C106DN2642	Nguyễn Kim	Giàu	28/06/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
28	C106DN2648	Phan Thị Kim	Hai	26/01/1980	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
29	C106DN2655	Phan Văn	Hanh	15/07/1984	Hà Tĩnh	Trung bình	KG06DN-1
30	C106DN2644	Hồ Thị Thu	Hà	12/03/1972	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
31	C106DN2645	Trần Thanh	Hà	10/10/1973	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
32	C106DN2649	Bùi Thị	Hải	20/10/1984	Hà Tĩnh	TB Khá	KG06DN-1
33	C106DN2656	Trần Thị Hồng	Hạnh	19/06/1987	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
34	C106DN2650	Huỳnh Ngọc	Hằng	25/10/1973	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
35	C106DN2653	La Thị Mỹ	Hằng	18/07/1971	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
36	C106DN2652	Trần Thị Thu	Hằng	20/09/1979	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
37	C106DN2659	Đỗ Thị út	Hén	01/01/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
38	C106DN2667	Dương Hồng	Hiếu	19/05/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
39	C106DN2666	Huỳnh Văn	Hiền	01/01/1980	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
40	C106DN2663	Lâm Mỹ	Hiền	03/06/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
41	C106DN2661	Lý Thị	Hiền	01/04/1984	Kiên Giang	Khá	KG06DN-1
42	C106DN2670	Bùi Thị Thu	Hoa	19/07/1984	Kiên Giang	Khá	KG06DN-1
43	C106DN2668	Lê Văn	Hồ	15/04/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
44	C106DN2674	Nguyễn Thị Bé	Hồng	01/01/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
45	C106DN2675	Phạm Thị Thu	Hồng	27/10/1970	Hà Tĩnh	TB Khá	KG06DN-1
46	C106DN2678	Phan Thị Xuân	Hương	28/10/1981	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
47	C106DN2679	Phạm Thị Mai	Hương	12/07/1980	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
48	C106DN2680	Trịnh Xuân	Hương	01/01/1982	Cà Mau	TB Khá	KG06DN-1
49	C106DN2687	Nguyễn Tấn	Khoa	15/10/1973	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
50	C106DN2688	Cao Thị Mỹ	Khương	12/12/1978	Kiên Giang	Trung bình	KG06DN-1
51	C106DN2691	Đồng Ngọc	Kiều	30/04/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
52	C106DN2690	Lương Thúy	Kiều	20/06/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
53	C106DN2692	Nguyễn Thị Ngọc	Kim	08/09/1979	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
54	C106DN2695	Trần Thị Kim	Lan	03/12/1978	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
55	C106DN2696	Nguyễn Thị Trúc	Lê	07/03/1978	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
56	C106DN2698	Bùi Thị Thu	Liên	01/11/1981	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
57	C106DN2699	Cao Kim	Liên	02/11/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
58	C106DN2701	Lưu Thị Bích	Liều	05/09/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
59	C106DN2700	Võ Thị Hoàng	Liều	30/07/1963	Hòa Bình	TB Khá	KG06DN-1
60	C106DN2702	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	05/03/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
61	C106DN2705	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	06/11/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
62	C106DN2703	Văn Thị Mỹ	Linh	26/05/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
63	C106DN2706	Đặng Thị Kim	Loan	09/01/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
64	C106DN2708	Nguyễn Công	Luận	05/08/1974	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
65	C106DN2709	Trần Bích	Ly	07/11/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
66	C106DN2711	Lê Thị Tuyết	Mai	28/02/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
67	C106DN2715	Nguyễn Thanh	My	20/02/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
68	C106DN2714	Nguyễn Thị Tú	My	15/10/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
69	C106DN2719	Nguyễn Thị Yên	Nga	01/10/1976	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
70	C106DN2718	Trần Thúy	Nga	29/07/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
71	C106DN2720	Đoàn Thị	Ngà	29/05/1975	Thái Bình	TB Khá	KG06DN-1
72	C106DN2721	Lê Thị	Nghê	12/06/1973	Hải Dương	TB Khá	KG06DN-1
73	C106DN2724	Lê Minh	Nghiêm	21/12/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
74	C106DN2725	Lê Thụy	Nghiêm	08/06/1980	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
75	C106DN2726	Huỳnh Thúy	Nghiêm	12/01/1979	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
76	C106DN2737	Danh Thị Pha	Ni	12/06/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
77	C106DN2768	Lê Thị Hoài	Tâm	07/07/1974	Thừa Thiên Huế	TB Khá	KG06DN-1
78	C106DN2771	Võ Chí	Tâm	18/11/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
79	C106DN2782	Nguyễn Thị Hiếu	Thảo	10/03/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
80	C106DN2786	Nguyễn Tiến	Thịnh	29/04/1981	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
81	C106DN2798	Huỳnh Kim	Thúy	24/12/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
82	C106DN2801	Lý Thị Diễm	Thúy	02/04/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
83	C106DN2803	Tô Thị Hồng	Thùy	26/01/1980	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
84	C106DN2805	Võ Kim	Thùy	10/04/1978	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
85	C106DN2820	Tăng Thùy	Trang	07/05/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
86	C106DN2821	Trương Thị Thu	Trang	20/12/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
87	C106DN2822	Nguyễn Minh	Trí	26/02/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
88	C106DN2838	Phan Thị Lâm	Tuyền	06/08/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
89	C106DN2832	Trần Văn	Tùng	16/03/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
90	C106DN2835	Hoàng Thị Hồng	Tươi	14/10/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
91	C106DN2839	Nguyễn Thị	út	09/05/1981	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
92	C106DN2843	Phan Thị Ngọc	Vàng	01/01/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-1
93	C106DN2611	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Châu	24/03/1985	Kiên Giang	Khá	KG06DN-2
94	C106DN2614	Trần Văn	Chiếm	09/06/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
95	C106DN2621	Trương Tấn	Dân	14/10/1972	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
96	C106DN2636	Trần Thanh	Duy	14/12/1986	Kiên Giang	Trung bình	KG06DN-2
97	C106DN2620	Danh Thị	Đà	24/07/1977	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
98	C106DN2643	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	08/10/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
99	C106DN2647	Nguyễn Thị	Hai	27/09/1974	Kiên Giang	Trung bình	KG06DN-2
100	C106DN2657	Trần Hồng	Hạnh	20/09/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
101	C106DN2662	Lê Thị Thúy	Hiền	02/05/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
102	C106DN2665	Lương Thị	Hiền	30/05/1981	Hải Phòng	TB Khá	KG06DN-2
103	C106DN2669	Bùi Thị Mỹ	Hoa	02/10/1979	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
104	C106DN2676	Nguyễn Thanh	Hồng	01/01/1973	Tiền Giang	TB Khá	KG06DN-2
105	C106DN2685	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	20/10/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
106	C106DN2686	Nguyễn Văn	Kha	20/04/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
107	C106DN2697	Lữ Thanh	Liêm	12/06/1974	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
108	C106DN2704	Trần Thị Yến	Linh	21/11/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
109	C106DN2707	Trương Thị Kiều	Loan	18/08/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
110	C106DN2727	Bùi Hữu	Nguyên	20/10/1985	Hậu Giang	TB Khá	KG06DN-2
111	C106DN2729	Đào ánh	Nguyệt	18/07/1968	Hà Tây	Khá	KG06DN-2
112	C106DN2728	Quách Thị Kim	Nguyệt	18/12/1961	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
113	C106DN2733	Hà Hồng	Nhung	03/06/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
114	C106DN2734	Phan Thị Cẩm	Nhung	01/01/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
115	C106DN2736	Huỳnh Công	Nhật	20/02/1987	Kiên Giang	Khá	KG06DN-2

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
156	C106DN2847	Lê Thị Hồng	Xuân	27/09/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
157	C106DN2848	Dương Ngọc	Yến	13/09/1979	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2
158	C106DN2849	Mai Thụy Hoàng	Yến	24/06/1979	Kiên Giang	TB Khá	KG06DN-2

Danh sách có 158 sinh viên

2- Ngành Tài chính

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	C106TC020	Lý Ngọc	Hiền	16/09/1979	Kiên Giang	TB Khá	RG05TCTC
2	C106DN599	Nguyễn Thụy Yến	Như	15/02/1984	Kiên Giang	TB Khá	RG05TCTC

Danh sách có 02 sinh viên

3- Ngành Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Xếp loại	Lớp
1	C106TH003	Khuru Thanh Thế	Anh	15/04/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
2	C106TH004	Quách Nguyệt	ánh	25/07/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
3	C106TH006	Nguyễn Thị Như	Bình	06/07/1984	Kiên Giang	Khá	KG06THTC
4	C106TH017	Nguyễn Tuấn	Em	29/11/1984	Kiên Giang	Khá	KG06THTC
5	C106TH022	Lưu Hoàng	Hào	23/06/1985	Kiên Giang	Khá	KG06THTC
6	C106TH021	Nguyễn Hồng	Hạnh	02/08/1984	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
7	C106TH025	Trần Hữu	Hiệp	08/07/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
8	C106TH028	Trần Mạnh	Hoàng	08/02/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
9	C106TH039	Nguyễn Ngọc	Khương	04/02/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
10	C106TH042	Phạm Thị Kim	Lan	02/05/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
11	C106TH050	Tiêu Ngọc	Minh	24/06/1982	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
12	C106TH063	Phạm Công	Tạo	04/09/1982	Kiên Giang	Khá	KG06THTC
13	C106TH093	Trần Nguyễn Huy	Thanh	22/11/1986	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
14	C106TH071	Lê Thị Kim	Thoa	28/11/1985	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
15	C106TH072	Nguyễn Minh	Thông	30/08/1977	Kiên Giang	Trung bình	KG06THTC
16	C106TH073	Nguyễn Đăng	Thương	28/11/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC
17	C106TH084	Trịnh Thanh	Tùng	02/11/1983	Kiên Giang	TB Khá	KG06THTC

Danh sách có 17 sinh viên